TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THÁI THỤY** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/HNGĐ-ST
Ngày 10/9/2019
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Ngô Thế Tương.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Thúy và ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Hảo – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên toà*: không.*

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thái Thụy, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1986. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức K, sinh năm 1980. (Có mặt)

Đều trú tại: thôn Đ, xã Q, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị và anh Nguyễn Đức K tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới tại hai bên gia đình vào năm 2002. Tuy nhiên từ đó đến nay, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Sau khi tổ chức đám cưới, anh chị chung sống như vợ chồng tại thôn Đ, xã Q. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K hay đánh chửi chị, chị phải đi làm vất vả để lo cho cuộc sống và lo cho các con nhưng anh K không động viên mà còn đánh đập chị và đuổi chị ra khỏi nhà. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị và anh K là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh K có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/10/2003, Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 10/12/2012 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/4/2014. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả ba con chung nhưng nếu anh K nhận nuôi con Thành thì chị nhận trực tiếp nuôi con Nguyễn Thị N và Nguyễn Minh T2, giao con Nguyễn Hữu T1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

T*ại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đức K trình bày:*

Anh và chị X tự nguyện tìm hiểu và có tổ chức đám cưới tại hai bên gia đình vào năm 2002. Tuy nhiên từ đó đến nay, anh chị không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đôi khi anh nóng tính, vợ chồng không nhường nhịn nhau dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay chị X yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị X là vợ chồng, anh đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị X.

Về con chung: Anh và chị X có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/10/2003, Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 10/12/2012 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/4/2014. Anh nhận trực tiếp nuôi con Nguyễn Hữu T1, giao con Nguyễn Thị N và Nguyễn Minh T2 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đức K đã chung sống như vợ chồng từ năm 2002 đến nay, cả hai đều đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Việc anh chị không đăng ký kết hôn được chị Xuân và anh Khải thừa nhận và đã được UBND xã Q xác nhận tại đơn khởi kiện đề ngày 12/7/2019 của chị X. Như vậy, chị X và anh K đã vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì việc anh chị không đăng ký kết hôn không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị X yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh K là vợ chồng, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh K.

[3]. Về con chung: Chị X và anh K đều xác định anh chị có 03 con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/10/2003; Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 10/12/2012 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/4/2014. Hai bên thỏa thuận giao con Nguyễn Thị M và Nguyễn Minh T2 cho chị Xuân trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Hữu T1 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Sự thỏa thuận này của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật và đảm bảo quyền lợi chính đảng của con chung nên được chấp nhận. Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị X và anh K đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Xuân phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016 về Án phí, Lệ phí Toà án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Đức K.

2.Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thị N, sinh ngày 15/10/2003 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 05/4/2014 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Nguyễn Hữu T1, sinh ngày 10/12/2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4.Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị X đã nộp theo biên lai số 0001902 ngày 02/8/2019 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy sang thi hành án phí, chị X đã nộp xong án phí.

5.Về quyền kháng cáo: Chị X và anh K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Thái Thụy.*
- *THADS huyện Thái Thụy.*
- *TAND tỉnh Thái Bình.*
- *UBND xã Q.*
- *Các đương sự.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Ngô Thế Tương